

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1478/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2484/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc: “TrA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Hoàng A** Sinh năm: 1981

Địa chỉ: 353 Lô P, cư xá T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh B** Sinh năm: 1983

Địa chỉ: 353 Lô P, cư xá T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Hoàng A trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc Hoàng A và ông Huỳnh Minh B đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2007, ngày 20/4/2007). Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Trong quá trình chung sống giữa bà Hoàng A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp. Bà Hoàng A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà Hoàng A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì vậy bà Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hoàng A ly hôn với ông Huỳnh Minh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà Hoàng A và ông B đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Minh C - sinh ngày 20/3/2010. Bà Hoàng A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà Hoàng A có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hiện Bà Hoàng A làm nhân viên làm công việc liên quan đến dán tem hàng hóa tại Công ty TNHH một thành viên được Sài Gòn (Sapharco), địa chỉ 18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cộng tác viên số 25-2020/HĐCTV ngày 01/5/2020, mức thu nhập trung bình là 12.000.000 đồng/tháng. Bà Hoàng A làm việc giờ hành chính. Bà Hoàng A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Huy từ khi trẻ Huy mới sinh ra cho đến nay. Hiện tại bà Hoàng A đang sinh sống cùng mẹ ruột nên sẽ được sự hỗ trợ của mẹ trong việc chăm sóc trẻ Huy.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng A tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Huỳnh Minh B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Huỳnh Minh B vắng mặt không có lý do. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hoàng A vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại phần trA luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trA luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Hoàng A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn là ông Huỳnh Minh B tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 01 tháng 9 năm 2020 và lần 2 mở ngày 24 tháng 9 năm 2020 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng vụ án mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Ngọc Hoàng A và ông Huỳnh Minh B ngày 20 tháng 4 năm 2007 cùng lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Hoàng A và ông Huỳnh Minh B là hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà Hoàng A khai, trong quá trình chung sống giữa bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp. Bà Hoàng A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà Hoàng A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì vậy bà Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Minh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà Hoàng A và ông B đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Về phía ông B, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập ông B đến Tòa để giải quyết vụ việc cũng nhằm để ông B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông B vẫn không có mặt, cũng như không có bất kỳ sự phản hồi nào cùng các chứng cứ, tài liệu kèm theo chứng tỏ ông B cũng không có mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này.

Xét thấy, một gia đình hạnh phúc, bền vững phải được xây dựng từ thiện chí và tình cảm tự nguyện của vợ và chồng, nhưng đối với hôn nhân của bà Hoàng A và ông B, cả hai thể hiện sự không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân, hôn nhân này không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn của bà Hoàng A đối với ông B là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Hoàng A xác nhận bà và ông B có 01 con chung là Huỳnh Minh C - sinh ngày 20/3/2010. Bà Hoàng A yêu cầu giao trẻ C cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Hoàng A có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập ông B đến Tòa để giải quyết vụ việc cũng nhằm để ông B bảo vệ quyền lợi của mình nhưng ông B vẫn không có mặt, cũng như không có bất kỳ sự phản hồi nào về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ Hợp đồng cộng tác viên số 25-2020/HĐCTV ký ngày 01/5/2020, Hợp đồng cộng tác viên số 30-2020/HĐCTV ký ngày 01/8/2020 giữa bà Hoàng A với Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn (Sapharco) ngày 01/5/2020 và Giấy xác nhận thu nhập ngày 15/6/2020 của Công ty trả cho bà Hoàng A, thì bà hiện là cộng tác viên tại Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn (Sapharco) làm công việc bổ sung nhãn phụ, có mức thu nhập trung bình khoảng 12.000.000 (mười hai triệu) đồng/tháng.

Nhận thấy, bà Hoàng A hiện có nơi cư trú, có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm lo cho việc học tập của con. Trẻ C cũng có nguyện vọng được sống chung với bà Hoàng A. Bà Hoàng A đang chung sống cùng mẹ ruột nên sẽ được sự hỗ trợ của mẹ ruột trong việc chăm sóc trẻ C. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Hoàng A có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng A trình bày do bà có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Hoàng A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con

khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Hoàng A không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Hoàng A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng A - sinh năm 1981 được ly hôn với ông Huỳnh Minh B - sinh năm 1983.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Minh C - sinh ngày 20/3/2010. Giao trẻ C cho bà Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà Hoàng A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017420 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; bà Hoàng A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- UBND P.X, quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 3, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương